

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG**  
**Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng**  
**về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông**  
**đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

---

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, với các nội dung như sau:

**I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐAM RÔNG**

**1. Thực trạng phát triển công nghiệp**

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp huyện Đam Rông đã có tăng trưởng khá, tốc độ phát triển công nghiệp - xây dựng bình quân giai đoạn 2015 đến năm 2020 đạt 14,7%; Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng 14,92% (617 lao động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp). Trong đó, tập trung một số ngành công nghiệp như: Công nghiệp khai thác khoáng sản, làm vật liệu xây dựng, chủ yếu phục vụ việc xây dựng giao thông dân dụng và nhà ở của nhân dân trong vùng; công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp, chủ yếu là phục vụ nhu cầu tại chỗ, chưa mang tính sản xuất công nghiệp tập trung và chưa có tính hàng hóa; công nghiệp năng lượng, hiện nay có 02 dự án đã phát điện hòa vào lưới điện quốc gia (Thủy điện Đắk Mê 1 đạt công suất đạt 5,5 MW; Thủy điện Krông Nô 2&3 đạt công suất 46MW), 12 dự án điện năng lượng mặt trời mái nhà (công suất >100kWp) với tổng công suất là 10.033,4kWp. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 01 cơ sở khai thác than bùn làm nguyên liệu để sản xuất phân vi sinh, 03 cơ sở sản xuất gạch không nung, 03 cơ sở chế biến cà phê, 20 cơ sở cơ khí sản xuất nông cụ phục vụ nông nghiệp, 01 cơ sở sản xuất ống nước phục vụ nông nghiệp, 10 cơ sở mộc gia dụng, 02 cơ sở sản xuất đồ gỗ cao cấp.

**2. Những khó khăn vướng mắc**

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Mặt bằng kinh tế của huyện không cao, sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu ngành kinh tế; dịch vụ - thương mại phát triển chưa mạnh, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ là những nguyên nhân dẫn đến khó khăn

trong thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở huyện Đam Rông. Mặt khác, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn hỗ trợ khuyến công còn hạn chế, hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sự cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ sản phẩm, việc vận chuyển sản phẩm tới các địa phương trong và ngoài tỉnh, chất lượng nguồn lao động tại chỗ chưa thực sự đáp ứng nhu cầu sản xuất.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, tiếp tục bám sát và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 70-CTr/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*khóa XI*) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đam Rông (*lần thứ IV*), nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND, ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025; phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của huyện. Phát triển ngành công nghiệp bền vững dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo của khu vực công nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của huyện; trong đó, ưu tiên phát triển các dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, công nghiệp, các sản phẩm chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm chế biến, chế tạo của huyện.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện địa phương; cụ thể hóa các nhiệm vụ và phân công trách nhiệm để các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Trước mắt, tập trung giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hút đầu tư, giao đất và phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển và nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất công nghiệp, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gắn với vùng nguyên liệu và xây dựng nông thôn mới; tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản đã qua chế biến; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn đầu tư, thị trường, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng triển khai dự án có quy mô lớn làm động lực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Đam Rông.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2025, phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 15 - 16%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 15%.
- Giải quyết việc làm trong 5 năm 1.000 - 1.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 20%.

### **2.3. Định hướng đến năm 2030**

- Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cơ cấu kinh tế 17 - 18%.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 18%.
- Giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 lao động; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo phục vụ cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 25%.
- Duy trì và phát triển mạnh các chuỗi liên kết bền vững giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của huyện.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu.**

**1.1. Phát triển công nghiệp chế biến có lợi thế cạnh tranh về vùng nguyên liệu, sử dụng công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường.**

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến sâu các loại nông sản, công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp, cây dược liệu nhằm khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án chế biến thực phẩm có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; các trung tâm sau thu hoạch nông sản tại các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, mã số vùng trồng.

- Tiếp tục khôi phục, phát triển ngành nghề ươm tơ, dệt lụa gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng. Tập trung phát triển các sản phẩm chế biến lâm sản từ nguồn nguyên liệu rừng trồng; ứng dụng khoa học, công nghệ vào chế biến lâm sản để tạo ra các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; trong đó tạo điều kiện phát triển sản xuất các sản phẩm nội thất cao cấp từ gỗ, đồ mỹ nghệ, chế biến giấy....

- Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ tiên tiến, giảm tối đa tác động đến cảnh quan, môi trường sinh thái, đất rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến tại chỗ. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng thông thường; sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường để sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhân tạo thay thế các nguồn vật liệu tự nhiên. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản để hạn chế tình trạng bán thô, sử dụng tài nguyên khoáng sản kém hiệu quả.

### ***1.2. Phát triển công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến***

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất, cung cấp các thiết bị, linh kiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp khai khoáng đáp ứng tiêu chuẩn và có khả năng cạnh tranh cao với hàng nhập khẩu. Phát triển các cơ sở cơ khí có quy mô phù hợp để đáp ứng nhu cầu chế tạo, lắp ráp, sửa chữa dây chuyền thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

### ***1.3. Hình thành và phát triển chuỗi liên kết trong hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu***

- Tiếp tục phát triển và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu và đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung đầu tư mở rộng, chiều sâu các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản, dệt may hiện có. Hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm (*trước và sau chế biến*) chủ lực của huyện như: Sầu riêng, cà phê, mắc ca, dâu tằm, rau, củ quả, được liệu với quy mô phù hợp.

- Đầu tư phát triển bảo quản nông sản, các trung tâm Logistics để tăng hiệu quả liên kết tiêu thụ hàng hóa, nông sản trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển các thương hiệu, nhãn hiệu gắn với vùng nguyên liệu đặc trưng của huyện. Hỗ trợ đầu tư phát triển các khu trưng bày, cửa hàng giới thiệu, quảng bá sản phẩm chủ lực của huyện tại các thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường liên kết với các địa phương, vùng lân cận để thu hút các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia sản xuất, cung cấp linh kiện, vật tư, nguyên liệu phục vụ các ngành công nghiệp, sản xuất nông nghiệp. Từng bước xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp thực hiện chuỗi dịch vụ chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến trên địa bàn huyện.

## **2. Phát triển các cụm công nghiệp tạo động lực thúc đẩy phát triển các dự án công nghiệp**

2.1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp Đam Rông (*theo đồ án quy hoạch vùng huyện*) để tích hợp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở phát triển cụm công nghiệp phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Giai đoạn 2025 - 2030 tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình hạ tầng xã hội tại cụm công nghiệp Đam Rông, trong đó ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hàng năm để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hoàn thiện các công trình đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp (*khi không thu hút được nhà đầu tư xây dựng hạ tầng*) và hệ thống giao thông kết nối cụm công nghiệp với hệ thống giao thông của huyện.

2.3. Tăng cường thu hút vốn đầu tư FDI vào chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ tại cụm công nghiệp trên cơ sở triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đam Rông.

2.4. Xây dựng lộ trình và di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu dân cư; đồng thời, tạo điều kiện về quỹ đất để tập trung di chuyển các nhà máy, cơ sở sản xuất này vào khu, cụm công nghiệp.

### **3. Phát triển công nghiệp năng lượng dựa trên lợi thế của huyện**

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 03/8/2020 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch. Ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực an ninh quốc phòng. Khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các Hồ Thủy lợi, Hồ Thủy điện, đất nông nghiệp xấu năng suất thấp. Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện.

- Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

### **4. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn**

4.1. Tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc hiện có và phát triển những làng nghề mới để giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn; trong đó khuyến khích hình thành, mở rộng mô hình phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch (*bao gồm dệt thổ cẩm, mây tre đan, trồng dâu nuôi tằm, ướp tơ dệt lụa...*). Khuyến khích các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà nghiên cứu tham gia đào tạo, truyền nghề và thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm nhằm bảo tồn các nét truyền thống của sản phẩm, đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của thị trường; tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh bằng việc đa dạng hóa các nguồn vốn, phương thức huy động vốn và cho vay để hỗ trợ vốn cho các hộ sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề; hỗ trợ thông qua cung ứng nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc, công nghệ mới vào sản xuất và bao tiêu các sản phẩm làng nghề; nâng cao trình độ sản xuất, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu làng nghề.

4.2. Kết hợp, lồng ghép Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình Quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, tiếp tục tổ chức đánh giá và công nhận sản phẩm (OCOP), sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Đồng thời phát triển, nâng cao chất lượng, mẫu mã các sản phẩm đã

được chứng nhận (OCOP), sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát huy thế mạnh về sản phẩm, vùng nguyên liệu và lao động địa phương.

4.3. Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp để xây dựng Website giới thiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề và áp dụng thương mại điện tử; xây dựng bộ tư liệu, thông tin về các làng nghề, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp làm cơ sở quảng bá, giới thiệu gắn với đầu tư phát triển, tiêu thụ sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

4.4. Đầu tư nguồn lực, hỗ trợ phát triển hình thành các chuỗi liên kết giá trị với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

## **5. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp**

5.1. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và công bằng; hoàn thiện cơ chế chính sách đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; nhằm tạo điều kiện đơn giản nhất, thuận lợi nhất cho hoạt động của doanh nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

5.2. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

5.3. Thu hút đầu tư hạ tầng giao thông cấp thiết có tính chất kết nối liên vùng để nâng cao năng lực vận chuyển, lưu thông hàng hóa, vật tư; nâng cao chất lượng và hiệu quả liên kết vùng.

## **6. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh**

6.1. Quan tâm đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, tạo ra sản phẩm công nghệ cao. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số, các dây chuyền tự động, IoT, internet kết nối vạn vật, máy móc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo phục vụ ngành nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

6.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

6.3. Tăng cường hoạt động hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## **7. Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp**

7.1. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp có chuyên môn cao, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh; xây dựng đội ngũ công nhân có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; có năng lực tiếp thu và sáng tạo trong sản xuất.

7.2. Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, áp dụng công nghệ cao thông qua các chương trình đào tạo nghề của ngành, các cấp. Quan tâm đào tạo chuyển đổi nghề và nâng cao kỹ năng, tay nghề cho lao động nông thôn, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

7.3. Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện việc phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

## **8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; phát huy vai trò các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội**

8.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; phát huy vai trò của các cấp ủy đảng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý Nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

8.2. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới. Thực hiện rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý công nghiệp từ huyện đến các xã đảm bảo tập trung, hoạt động thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương.

8.3. Tăng cường thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

8.4. Phát huy vai trò của các Hội, Chi hội, Hợp tác xã, Tổ hợp tác...trong việc định hướng, tập hợp, gắn kết các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực. Xây dựng các Hội, Chi hội, Hợp tác xã, Tổ hợp tác trở thành cầu



nổi truyền tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến doanh nghiệp.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình này, định kỳ báo cáo Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung chương trình hành động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động trong thực hiện chương trình hành động.

3. Các ban xây dựng Đảng của Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; các cơ quan, ban, ngành; các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Chương trình này được phổ biến đến các Chi bộ.

#### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- TT. HĐND, UBND huyện,
- Các ban xây dựng Đảng,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Nguyễn Văn Lộc**